

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 772 /QĐ-UBND ngày 29 /3/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (47 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (44 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC THỦY LỢI (18 TTHC)	
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp tỉnh.	<div>- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;</div>
2	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND Cấp tỉnh.	
3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
4	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
5	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
6	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp tỉnh.	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
8	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.	
11	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
12	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
15	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
16	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý.	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
17	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	
18	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
II	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)	
19	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc cấp Trung ương	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (17 TTHC)	
20	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
21	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	
22	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
23	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	
24	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	
25	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngàyđêm	
26	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
27	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
28	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	
29	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
30	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	
31	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	
32	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt	
33	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
34	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
35	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	
36	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
IV	KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (03 TTHC)	
37	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
38	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
39	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (05 TTHC)	
40	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng (trường hợp nước sạch nông thôn)	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
41	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
42	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
44	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (03 TTHC)	
1	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh
2	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
3	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Công chức một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Quản lý Tài nguyên nước: QLTNN
- Kế hoạch tài chính: KHTC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (39 TTHC)

I. LĨNH VỰC THỦY LỢI (18 TTHC)

1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 25 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 10 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN	Lãnh đạo phòng QLTNN.	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 14 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ.	Chuyên viên Phòng QLTNN	08 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo phòng QLTNN.		
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc

2. Nhóm 04 TTHC, gồm:

2.1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

2.2. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

2.3. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

2.4. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh .

Tổng thời hạn thực hiện 01 TTHC: 10 ngày làm việc.

(Các TTHC số 2.1 đến 2.3 có thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	Văn phòng Sở	
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 12 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	04 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

3. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	Văn phòng Sở	
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	03 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc

4. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	đạo phòng QLTNN.		
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 08 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 10 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	16 giờ
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN	06 giờ
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			40 giờ

5. Nhóm 03 TTHC, gồm:

5.1. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

5.2. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ;

5.3. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Tổng thời hạn thực hiện 01 TTHC: 08 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 10 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	3,5 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			08 ngày làm việc

6. Nhóm 02 TTHC, gồm:

6.1. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

6.2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 03 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	06 giờ
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 giờ
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ

7. Nhóm 03 TTHC, gồm:

7.1. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

7.2. Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý.

7.3. Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 30 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 12 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	½ ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 8 giờ, nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 10 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng QLTNN	12 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			18 ngày làm việc

8. Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh;

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	½ ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 12 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình Lãnh đạo Phòng QLTNN	Chuyên viên Phòng QLTNN	03 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	½ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

9. Nhóm 02 TTHC, gồm:

9.1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh;

9.2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 20 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 14 giờ, nêu rõ lý do; Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá	Chuyên viên Phòng QLTNN	8,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	18 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC		
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC/NVB Đ/Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)

1. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Cấp Trung ương.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	03 giờ
B2	Phân công chuyên viên phòng QLTNN	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 giờ
	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 2 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung	Chuyên viên phòng QLTNN	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 3 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC.		
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 giờ
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (17 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC, gồm:

1.1. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

1.2. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ + Trường hợp đủ điều kiện để chấp thuận tạm dừng giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước,	Chuyên viên Phòng QLTNN	12 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận; trường hợp không đủ điều kiện để chấp thuận thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			23 ngày

2. Nhóm 02 TTHC, gồm:

2.1. Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch

2.2. Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở NN&MT hoặc nộp cho Ủy ban nhân	CCMC tại TTPVHCC/	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	<p>dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.</p>	NVBD/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	<p>Kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký</p> <p>- Trường hợp không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện điều chỉnh), thông báo (trả lại hồ sơ) cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức.</p> <p>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo: dự thảo văn bản trình UBND tỉnh.</p>	Chuyên viên Phòng QLTNN	6,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Giấy xác nhận), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành Giấy xác nhận; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B8	<p>- Thống kê và theo dõi</p> <p>- Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</p>	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			14 ngày

3. Nhóm 02 TTHC, gồm:

3.1. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền

3.2. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 26 ngày.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTTN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTTN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản; Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.	Chuyên viên Phòng QLTTN	17,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTTN	01 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			26 ngày

4. Nhóm 03 TTHC, gồm:

4.1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

4.2. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

4.3. Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 45 ngày.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến	Chuyên viên Phòng QLTNN	30 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	<p>các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.</p>		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	2,5 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1,5 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân 	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			45 ngày

5. Nhóm 03 TTHC, gồm:

5.1. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

5.2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

5.3. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 38 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<p>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN 	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. + Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, trình UBND tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án. <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp phải lập lại đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia 	Chuyên viên Phòng QLTNN	26 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	hạn, điều chỉnh giấy phép.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			38 ngày

6. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

6.1. Trường hợp 1: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày (*trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước*)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp. - Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định phê	Chuyên viên Phòng QLTNN	30 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	duyet tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			45 ngày

6.2. Trường hợp 2: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 38 ngày (*trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước*)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. - Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Chuyên viên Phòng QLTNN	26 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			38 ngày

7. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 21 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, trình	Chuyên viên Phòng QLTNN	12,5 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			21 ngày

8. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 17 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cho Lãnh đạo Phòng QLTNN		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp đủ điều kiện để cấp lại, trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.	Chuyên viên Phòng QLTNN	9,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B8	- Thông kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			17 ngày

9. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 49 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, thông báo cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, tiếp	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; tổng hợp ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương án không tính vào thời gian thẩm định phương án. + Trường hợp đủ điều kiện, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc; + Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì trả lại phương án cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa và thông báo bằng văn bản cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa biết và nêu rõ lý do. 	Chuyên viên Phòng QLTNN	34 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	03 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			49 ngày

10. Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 56 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của tài liệu, nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến; hướng dẫn bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án (nếu cần thiết). - Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển Lãnh đạo Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thực hiện lấy ý kiến và gửi văn bản trả lời: + Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng. Cá nhân đầu tư dự án có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án. + Tổng hợp ý kiến trình UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng QLTNN	42 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	để gửi cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án.		
B4	Xem xét văn bản xin ý kiến; trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			56 ngày

IV. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (03 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC, gồm:

1.1. Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

1.2. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 12 ngày làm việc (*Thời gian thực hiện theo quy định: 17 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc*). Trong đó:

- Thời gian kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc.

- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân trong 02 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân trong 02 ngày làm việc. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện các bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLTNN	5,5 ngày
B4	Xem xét xử lý văn bản của chuyên viên Phòng QLTNN, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét, duyệt ký văn bản, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản của UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, phê duyệt hồ sơ/văn bản; chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

2. Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 3,5 ngày làm việc.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 1,5 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn	1/4 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân trong thời hạn không quá 01 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân không quá 01 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu; giải quyết hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng QLTNN	01 ngày
B4	Xem xét xử lý văn bản của chuyên viên Phòng QLTNN, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/4 ngày
B5	Xem xét, duyệt ký văn bản, trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B7	Xem xét, phê duyệt hồ sơ/văn bản; chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			3,5 ngày làm việc

V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (05 TTHC)

1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng.

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 52,5 ngày.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 75 ngày, thời gian đã cắt giảm: 22,5 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Văn thư Sở chuyên lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLTNN.	1/2 ngày
B3	Kiểm tra, xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu; dự thảo văn bản kèm theo bản sao hồ sơ lấy ý kiến cơ quan tài chính và cơ quan liên quan cùng cấp.	Chuyên viên phòng QLTNN	07 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&PTNT	Lãnh đạo phòng QLTNN	1,5 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký văn bản xin ý kiến các cơ quan.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản gửi các cơ quan	Văn thư Sở NN&MT	0,5 ngày
B7	Cơ quan tài chính và cơ quan có liên quan cùng cấp xem xét hồ sơ, cho ý kiến	Cơ quan tài chính và cơ quan có liên quan	15 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến của cơ quan tài chính và cơ quan liên quan cùng cấp, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo phòng QLTNN	Chuyên viên phòng QLTNN	06 ngày
B9	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B10	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B11	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	0,5 ngày
B12	Xem xét, ký duyệt quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 ngày
B13	Thống kê và theo dõi, trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			52,5 ngày

2. Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do UBND cấp tỉnh quản lý)

Thời hạn thực hiện TTHC: 60 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN.	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng: tham mưu phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chuyên viên phòng QLTNN	22 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét, ký duyệt các văn bản liên quan trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			60 ngày

3. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/ Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản lấy ý kiến cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan; kèm theo bản sao hồ sơ	Chuyên viên phòng QLTNN	06 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký văn bản xin ý kiến các cơ quan.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Phát hành văn bản gửi các cơ quan	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan	17 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan, dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (<i>trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do</i>).	Chuyên viên Phòng QLTTN	06 ngày
B9	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTTN	03 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt các văn bản liên quan trình UBND tỉnh xem xét Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B11	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B12	Xem xét Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B13	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			75 ngày

4. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

4.1. Trường hợp 1: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do địa phương quản lý về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTTN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (<i>trong trường hợp chưa có văn bản đồng ý tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); kèm theo bản sao hồ sơ. 	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét ký, duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Xem xét ký, duyệt văn bản xin ý kiến gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B7	Phát hành văn bản gửi các cơ quan liên quan	Văn thư UBND tỉnh	01 ngày
B8	Tham gia ý kiến bằng văn bản (<i>Văn bản đồng ý tiếp nhận tài sản</i>)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	15 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến, hồ sơ; dự thảo văn bản của UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày
B10	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B11	Xem xét ký, duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B12	Xem xét ký duyệt văn bản đề nghị Bộ	Lãnh đạo	05 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Tài chính	UBND tỉnh	
B13	Xem xét Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền (<i>trường hợp đề nghị không phù hợp có văn bản hồi đáp nêu lý do</i>); Chuyển kết quả về UBND tỉnh chuyển đến CCMC Sở tại TTPVHCC.	Bộ Tài chính	Theo quy chế của Bộ Tài chính
B14	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			45 ngày

4.2. Trường hợp 2: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/ Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh dự kiến tiếp nhận tài sản; kèm theo bản sao hồ sơ.	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét ký, duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Xem xét ký, duyệt văn bản xin ý kiến gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh dự kiến tiếp nhận tài sản	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B7	Phát hành văn bản gửi các cơ quan liên quan	Văn thư UBND tỉnh	01 ngày
B8	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh nơi dự kiến tiếp nhận tài sản	15 ngày
B9	Tổng hợp ý kiến, hồ sơ; dự thảo văn bản của UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày
B10	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B11	Xem xét ký, duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B12	Xem xét ký duyệt văn bản đề nghị Bộ Tài chính	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B13	Xem xét Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền (<i>trường hợp đề nghị không phù hợp có văn bản hồi đáp nêu lý do</i>); chuyển kết quả về UBND tỉnh để chuyển đến CCMC Sở tại TTPVHCC.	Bộ Tài chính	Theo quy chế của Bộ Tài chính
B14	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ	không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			45 ngày

4.3. Trường hợp 3: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến cho Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản lấy ý kiến cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan; kèm theo bản sao hồ sơ</p>	Chuyên viên phòng QLTNN	07 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký duyệt văn bản xin ý kiến các cơ quan.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản gửi các cơ quan	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan	20 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan, dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (<i>trường hợp đề nghị không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do</i>).	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày
B9	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt các văn bản liên quan trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B11	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Xem xét Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B13	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			75 ngày

5. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại (Đối với tài sản do UBND cấp tỉnh quản lý).

5.1. Trường hợp 1: Đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo văn bản báo cáo đề nghị UBND tỉnh quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền; kèm theo bản sao hồ sơ; (<i>trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do</i>)	Chuyên viên phòng QLTNN	15 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, văn bản trình ký lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KHTC, Sở NN&MT	20 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B7	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B8	Xem xét Quyết định thanh lý/xử lý tài sản; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			75 ngày

5.2. Trường hợp 2: Đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Sở Nông nghiệp và PTNT theo phân cấp.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Văn thư Sở chuyển lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Sở NN&MT; <i>(trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do)</i>	Chuyên viên phòng QLTNN	15 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, văn bản trình ký lãnh đạo Sở NN&MT	Phòng KHTC, Sở NN&MT	20 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Xem xét ký duyệt Quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền đối với tài sản thuộc thẩm quyền.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B7	Phát hành văn bản; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			45 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẤP XÃ (03 TTHC)

1. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh.

- Tổng thời gian thực hiện tại UBND cấp tỉnh: 15 ngày làm việc
- Tổng thời gian thực hiện tại UBND cấp huyện: 15 ngày làm việc
- Tổng thời gian thực hiện tại UBND cấp xã: 10 ngày làm việc (*Thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm : 05 ngày*)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo UBND xã	CCMC UBND cấp xã	01 ngày
B2	Phân công công chức Địa chính XDNN&MT xử lý	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra, xác minh, tổng hợp văn bản	Công chức Phòng Địa chính XDNN&MT	06 ngày
B4	Xem xét, duyệt hồ sơ, ký duyệt văn bản bản liên quan, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày
B5	Đóng dấu, gửi văn bản	Văn thư cấp xã	1/2 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho Lãnh đạo UBND huyện	Văn thư UBND huyện	1/2 ngày
B7	Phân công xử lý	Lãnh đạo UBND huyện	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng NN&MT	1/2 ngày
B9	Thẩm định, tổng hợp, dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng NN&MT	08 ngày
B10	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo UBND huyện	Lãnh đạo Phòng NN&MT	03 ngày
B11	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo UBND huyện	02 ngày
B12	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư UBND huyện	1/2 ngày
B13	Tiếp nhận, chuyển văn bản cho phòng QLTNN	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B14	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	1/2 ngày
B15	Thẩm định, dự thảo văn bản kết quả giải quyết	Chuyên viên phòng QLTNN	06 ngày
B16	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 ngày
B17	Xem xét, ký duyệt tờ trình trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B18	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư Sở	1/2 ngày
B19	Xem xét, ký duyệt quyết định hỗ trợ, chuyển kết quả giải quyết	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B20	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân Theo dõi, thống kê	CCMC cấp xã	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		40 ngày làm việc

2. Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 25 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 13 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo UBND xã	CCMC cấp xã	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm: thông báo cho cá nhân chức trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định: Xây dựng dự thảo văn bản tham mưu (kết quả giải quyết), trình Lãnh đạo.	Công chức ĐC-XD-NN & MT	05 ngày
B4	Xem xét kết quả xử lý, ký văn bản trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
B5	Phát hành văn bản, gửi UBND cấp huyện	Văn thư UBND cấp xã	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ cho Phòng NN&MT	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày
B7	Giao chuyên viên phòng NN&MT xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng NN&MT	1/2 ngày
B8	Thẩm định, kiểm tra, xem xét hồ sơ, dự	Chuyên viên	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	thảo văn bản trình Lãnh đạo	Phòng NN&MT	
B9	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Chủ tịch UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng NN&MT	02 ngày
B10	Duyệt hồ sơ, ký Quyết định hỗ trợ	Chủ tịch UBND cấp huyện	1/2 ngày
B11	Đóng dấu, chuyển Quyết định cho UBND cấp xã	Văn thư UBND cấp huyện/NVBD	1/2 ngày
B12	- Trả kết quả giải quyết TTHC, thực hiện chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng - Thống kê, theo dõi	UBND cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			12 ngày làm việc

3. Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày làm việc.

(Thời gian thực hiện theo quy định: 30 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 16 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo UBND xã	CCMC cấp xã	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày	Công chức ĐC-XD-NN&MT	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	<p>nhận hồ sơ, nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm: thông báo cho cá nhân chức trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định: Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết, trình Lãnh đạo.</p>		
B4	Xem xét kết quả xử lý, ký văn bản trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày
B5	Phát hành văn bản, gửi UBND cấp huyện	Văn thư UBND cấp xã	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ cho Phòng NN&MT/ KHTT	Lãnh đạo UBND cấp huyện	½ ngày
B7	Giao chuyên viên phòng NN&MT	Lãnh đạo phòng NN&MT	1/2 ngày
B8	Thẩm định, kiểm tra, xem xét hồ sơ	Chuyên viên Phòng NN&MT	01 ngày
B9	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình UBND huyện	Lãnh đạo Phòng NN&MT	1/2 ngày
B10	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày
B11	Phát hành văn bản gửi Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở NN&MT)	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày
B12	Phân công phòng QLTNN hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
B13	Giao chuyên viên phòng QLTNN xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B14	Thẩm định, kiểm tra, xem xét hồ sơ	chuyên viên phòng QLTNN	1/2 ngày
B15	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở NN& MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B16	Xem xét ký văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
B17	Phát hành, gửi văn bản	Văn thư Sở	1/2 ngày
B18	Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển kết quả cho UBND cấp xã	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B19	- Trả kết quả giải quyết TTHC, chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng hưởng- Thống kê, theo dõi	UBND cấp xã	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		14 ngày làm việc
